

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ3 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067200202 - V k thu t c ấ ng tr ấ h H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ	
					L1	L2	L3	L4	L5	L6							
1	3671040754	36CCĐ3	V H ấ u ấ n ấ n	An	06/01/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
2	3671040897	36CCĐ3	Ph m Tu n	Anh	25/08/1994				5.9			5.9	1.8	3.8	2.7	4.4	
3	3671040732	36CCĐ3	Nguy n Duy	C ấ ng	27/08/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
4	3671041035	36CCĐ3	Lê Công	ấ c	06/11/1994				5.5			5.5	1.7	3.2	2.2	3.9	
5	3671042044	36CCĐ3	Tr n C ấ ng	ấ c	04/04/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
6	3671040803	36CCĐ3	Tr ấ ng L u Tr ấ ng	Giang	07/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
7	3671040657	36CCĐ3	Lê Minh	Ho ấ ng	16/12/1994				7.6			7.6	2.3	5.1	3.6	5.9	
8	3671041990	36CCĐ3	Nguy n ấ nh	Huy	06/11/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
9	3671041024	36CCĐ3	Tr n ấ ấ ng	Hùng	20/05/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
10	3671041003	36CCĐ3	ấ o ấ Tu n	Kh i	17/05/1994				6.6			6.6	2.0	2.8	2.0	3.9	
11	3671040975	36CCĐ3	Phan Th	M nh	11/06/1993				7.1			7.1	2.1	5.0	3.5	5.6	
12	3671041010	36CCĐ3	L ấ Tr n Anh	Nh t	05/05/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
13	3671040884	36CCĐ3	Lê Bùi Duy	Tân	03/02/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
14	3671041018	36CCĐ3	Ph m Ng c	T nh	20/01/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
15	3671040683	36CCĐ3	Ph m Qui	Tông	04/10/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
16	3671040684	36CCĐ3	Tr n	Tu n	02/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
17	3671042027	36CCĐ3	Phùng Minh	Th	10/08/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
18	3671040907	36CCĐ3	Hà Thanh	Th i	06/06/1993				3.0			3.0	0.9	5.9	4.1	5.0	N HP
19	3671040658	36CCĐ3	Nguy n Tr n	V ấ	12/09/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT

T ng s : 19 h c sinh sinh vi²n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa

Gi" o Vi²n B M»n

Gi" o V Khoa